

Bản án số: 101/2018/HSPT

Ngày: 31-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Thanh và bà Nguyễn Thị Kim Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Trúc, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (Số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố H) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 88/2018/TLPT-HS ngày 19 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Lê Văn T và đồng phạm; do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HSST ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T.

Bị cáo có kháng cáo: Lê Văn T (Tên gọi khác: Rép), sinh ngày 29/11/1991 tại tỉnh Thừa Thiên Huế, nơi cư trú: Tổ 02, Phường D, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Phụ xe, trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K (Tên gọi khác: Dũng) và bà Trần Thị V; có vợ tên Lê Thanh M và 01 người con; tiền sự: Có 01 tiền sự (Ngày 21/10/2013, bị Công an thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 750.000đ theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24/QĐ-XPHC ngày 21/10/2013); tiền án: Không; nhân thân: Ngày 30/11/2014, bị Phòng PC47 Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 800.000đ theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 43/QĐ-XPVPHC ngày 30/11/2014, bị cáo chấp hành xong ngày 17/12/2014; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 11/12/2017 cho đến nay.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có bị cáo Phan Văn N không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 08/10/2017, Phan Văn N điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki màu trắng xanh, biển kiểm soát 75B1-180.69 của Lê Văn T chở T đến quán tạp hóa của bà Hồ Thị Mỹ H (Nhỏ) để mua card điện thoại, sau đó N chở T lên thành phố H chơi. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, N và T gặp bà H chở con gái là Phùng Thị Mỹ N1, sinh năm 2001 đang đi ở thành phố H, N hỏi “Mẹ đi mô rứa”, cháu N1 nói đi lên nhà ngoại. Biết rõ nhà bà H không có ai nên N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà H và rủ T cùng tham gia thì T đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô chạy về để ở nhà N, rồi cùng T đi bộ đến nhà bà H để lấy trộm tài sản. Cả hai đi ra phía sau nhà bà H, T đứng bên ngoài cảnh giới còn N chui qua hàng rào lưới B40 đột nhập vào nhà bà H. N đi đến phòng khách lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Mobistar, 01 điện thoại di động hiệu Viettel loại phím bấm, 01 tập vé số gồm 250 tờ vé số đài Thừa Thiên Huế (mở thưởng ngày 09/10/2017) và 01 túi xách màu nâu bên trong có 350.000đ và card điện thoại các loại trị giá 650.000đ. Sau đó N đưa túi xách ra cho T giữ, rồi tiếp tục vào nhà lấy trộm 01 tivi hiệu Sony màu đen màn hình tinh thể lỏng 43 inch, cả hai đem ti vi cất giấu ở bụi cây sau nhà bà H. Sau đó, N và T đi bộ về nhà lấy xe mô tô BKS 75B1-180.69 đến chở ti vi đi cất giấu. N điện thoại liên lạc với Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1992; trú tại: Tổ 02, phường D, thị xã T (anh bà con của N) nói ti vi của N làm quán cà phê thua lỗ nên nhờ gửi tạm chờ bán thì Q đồng ý. N cùng T chở ti vi đến gửi tại nhà của Q rồi bỏ đi. Sau đó, N và T kiểm tra các tài sản trộm được và đã xử lý như sau: Chiếc điện thoại Mobistar bị hư hỏng không sử dụng được nên vứt đi cùng với túi xách; chiếc điện thoại di động hiệu Viettel, T lấy sử dụng sau đó bị mất; số card điện thoại các loại trị giá 650.000đ, N và T cùng nhau nạp vào điện thoại để sử dụng; số tiền 350.000 đồng cả hai tiêu xài hết; 250 tờ vé số sau khi có kết quả mở thưởng, N và T cùng nhau dò kết quả nhưng không trúng nên vứt bỏ. Còn ti vi Sony 43 inch thì N gọi điện thoại liên lạc với Phạm H1, sinh năm 1988; trú tại: Số 02/170 đường X, phường L, thành phố H để hỏi bán ti vi. H1 không mua ti vi nhưng liên lạc với Đinh Học T1 (Mập), sinh năm 1995; trú tại: Số 06/13 đường X, phường L, thành phố H để hỏi bán ti vi thì T1 đồng ý mua với giá 5.000.000đ. Đến ngày 10/10/2017, N và T chở ti vi đến bán cho T1 được số tiền 5.000.000đ, sau đó cùng nhau tiêu xài hết.

Tại các Bản Kết luận định giá tài sản số 106/HĐ-ĐG ngày 16/10/2017 và số 09/HĐ-ĐG ngày 12/01/2018, Hội đồng định giá tài sản kết luận:

- 01 chiếc ti vi hiệu Sony màu đen màn hình tinh thể lỏng 43 inch trị giá: 12.160.000 đồng; 01 túi xách màu nâu trị giá 180.000 đồng; 250 tờ vé số đài Thừa Thiên Huế mở thưởng ngày 09/10/2017 trị giá: 2.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Viettel trị giá 450.000 đồng.

Vật chứng trong vụ án bao gồm:

- Cơ quan cảnh sát điều tra huyện T đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki màu trắng xanh BKS 75B1-180.69.

- Các tài sản khác Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Hồ Thị Mỹ H yêu cầu các bị cáo Phan Văn N và Lê Văn T bồi thường thiệt hại tổng số tiền 16.000.000 đồng. Bị cáo N và T đã bồi thường đủ số tiền trên cho bà H.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HSST ngày 08/5/2018 Tòa án nhân dân thị xã T đã quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phan Văn N (Tên gọi khác: Sòm), Lê Văn T (Tên gọi khác: Rép) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo N và bị cáo T. Bị cáo Phan Văn N được áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt:

- Bị cáo Phan Văn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Văn N cho Ủy ban nhân dân phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Bị cáo Lê Văn T 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên xử: Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki màu trắng xanh, biển kiểm soát 75B1-180.69 của bị cáo Lê Văn T. (Vật chứng hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/5/2018).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21/5/2018, bị cáo Lê Văn T có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh có ý kiến trình bày như sau:

Trước khi mở phiên tòa Bị cáo T có xuất trình giấy nộp tiền 750.000 đồng, tiền bị xử phạt hành chính năm 2013. Do đó, đây tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo T 06 tháng tù là đủ răn đe bị cáo.

Về yêu cầu của bị cáo tại phiên tòa xin cho bị cáo hưởng án treo, đại diện Viện kiểm sát thấy rằng bị cáo có quá trình nhân thân xấu nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Bị cáo Lê Văn T có ý kiến trình bày như sau:

Bị cáo nhận thấy bị cáo có lỗi và vi phạm pháp luật. Nhưng bị cáo xin đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo kháng cáo trong thời gian quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 08/10/2017, Phan Văn N điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki màu trắng xanh, biển kiểm soát 75B1-180.69 của Lê Văn T chở T đến quán tạp hóa của bà Hồ Thị Mỹ H (Nhỏ) để mua card điện thoại, sau đó N chở T lên thành phố Huế chơi. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, N và T gặp bà H chở con gái là Phùng Thị Mỹ N1, sinh năm 2001 đang đi ở thành phố H, N hỏi “Mẹ đi mô rứa”, cháu N1 nói đi lên nhà ngoại. Biết rõ nhà bà H không có ai nên N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà H và rủ T cùng tham gia thì T đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô chạy về để ở nhà N, rồi cùng T đi bộ đến nhà bà H và đã lén lút lấy trộm tài sản. Các loại tài sản bị cáo N và bị cáo T đã trộm gồm: 01 chiếc ti vi hiệu Sony màu đen màn hình tinh thể lỏng 43 inch trị giá: 12.160.000 đồng; 01 túi xách màu nâu trị giá 180.000 đồng; 250 tờ vé số đài Thừa Thiên Huế mở thưởng ngày 09/10/2017 trị giá: 2.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Viettel trị giá 450.000 đồng, card điện thoại các loại trị giá 650.000 đồng và tiền mặt 350.000 đồng. Tổng cộng số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt là: 16.290.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân thị xã T đã kết án bị cáo Phan Văn N và bị cáo Lê Văn T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Bị cáo Lê Văn T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đó là những tình tiết quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T 08 tháng tù là đã cân nhắc, xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo. Tuy nhiên trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo T đã nộp biên lai thu tiền theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24/QĐ-XPHC ngày 21/10/2013 của Công an thị xã Hương Thủy với số tiền 750.000 đồng. Đây là tình tiết mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo T 06 tháng tù như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa là có căn cứ.

Xét kháng cáo của bị cáo T xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình nhân thân của bị cáo quá xấu. Do đó, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung, nên không chấp nhận phần kháng cáo này.

Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Lê Văn T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, sửa bản án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T **06 (Sáu) tháng tù** về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn T không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- TAND thị xã Hương Thủy;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Công an thị xã Hương Thủy;
- Chi cục thi hành án thị xã Hương Thủy;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà HS, Vp, Tổ HC-TP.

(đã ký)

Trần Hưng Bính